

Phụ lục 01

DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO

Khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu

Địa điểm thực hiện : Tỉnh Gia Lai
Thời gian thực hiện : Quý IV/2022
Chuyên đề đào tạo : Đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến
Số lớp : 04 lớp
Số học viên tham gia : 10 học viên/ 01 lớp / 05 ngày

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Kinh phí NSNN hỗ trợ (50%)	Kinh phí đối ứng DN (50%)	Ghi chú
I	Chi cho giảng viên, báo cáo viên:				49.000.000	37.000.000	12.000.000	
1	Chuyên gia giảng dạy (10 buổi x 1.200.000 đồng/người/buổi) (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)	Buổi	10	1.200.000	12.000.000	12.000.000		Theo khoản 1.1 c) Điều 1, Nghị quyết số: 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2	Trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (1.000.000 đồng/người/buổi x 10 buổi x 01 người)	Buổi	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000		Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 và Căn cứ Điều 14 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.
3	Chi tiền vé máy bay cho giảng viên và trợ giảng	Chuyến	4	3.000.000	12.000.000		12.000.000	
4	Chi phí thuê xe đi lại từ khách sạn đến lớp đào tạo và ngược lại.	Ngày	5	1.440.000	7.200.000	7.200.000		Theo điểm c, khoản 2, Điều 5 TT36/2018/TT-BTC, chi phí đi lại chi theo TT40/2017/TT-BTC (khoản 1, Điều 5, hóa đơn)

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Kinh phí NSNN hỗ trợ (50%)	Kinh phí đối ứng DN (50%)	Ghi chú
5	Chi phí thuê xe đi lại từ sân bay đến khách sạn (ngược lại)	Lần	4	100.000	400.000	400.000		
6	Chi phí lưu trú (tiền thuê phòng nghỉ, 2 người, mức khoán 450.000 đồng/người)	Ngày	6	900.000	5.400.000	5.400.000		Theo khoản 3.1 b) Điều 1, Nghị quyết số: 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi về công tác phí, chi Hội nghị áp dụng trên đại bàn tỉnh Gia Lai.
7	Phụ cấp lưu trú (02 người x 200.000đồng/ngày)	Ngày	5	400.000	2.000.000	2.000.000		Theo khoản 2.1, Nghị quyết số: 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi về công tác phí, chi Hội nghị áp dụng trên đại bàn tỉnh Gia Lai.
II	Chi phí cho học viên, lớp học				28.000.000		28.000.000	
1	Chi phí tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Cuốn	10	190.000	1.900.000		1.900.000	Theo điểm i, khoản 2, Điều 5, TT36/2018/TT-BTC, chi theo chứng từ, hóa đơn theo qui định)

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Kinh phí NSNN hỗ trợ (50%)	Kinh phí đối ứng DN (50%)	Ghi chú
2	Nước uống, giải khát giữa giờ (10 người x 20.000 đ/buổi/ x 2 buổi/ngày x 5 ngày)	Ngày	5	400.000	2.000.000		2.000.000	Theo điểm đ, khoản 2, TT36/2018/TT-BTC, chi phí đi lại chi theo TT40/2017/TT-BTC (khoản 4, Điều 12, chi nước uống phục vụ lớp học 40.000đ/ngày/người)
3	Văn phòng phẩm....	Lớp	1	2.100.000	2.100.000		2.100.000	Theo điểm n, khoản 2, Điều 5, TT36/2018/TT-BTC, chi theo chứng từ, hóa đơn theo qui định hiện hành.
4	Chi phí cho lễ khai giảng, bế giảng	Lớp	1	7.000.000	7.000.000		7.000.000	Theo điểm i, khoản 2, Điều 5, TT36/2018/TT-BTC, chi theo chứng từ, hóa đơn theo qui định
5	Chi phí tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Lớp	1	7.000.000	7.000.000		7.000.000	Theo điểm e, khoản 2, Điều 5, TT36/2018/TT-BTC, TT66/2012/TTLT/BTC-BGDDT
6	Chi phí tạo phôi, in ấn giấy chứng nhận	Người	10	200.000	2.000.000		2.000.000	Theo điểm i, khoản 2, Điều 5, TT36/2018/TT-BTC, chi theo chứng từ, hóa đơn theo qui định
7	Chi phí thuê xe đi thực tế từ doanh nghiệp đến vùng nguyên liệu, hoặc đến các siêu thị, điểm bán.... và ngược lại.	Lần	2	3.000.000	6.000.000		6.000.000	Theo điểm b, khoản 1, Điều 6, TT49/2019/TT-BTC, chi theo chứng từ, hóa đơn theo qui định

[illegible]